

dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương; Giám đốc các xí nghiệp, đơn vị kinh tế quốc doanh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
 Chủ tịch
 ĐỖ MƯỜI

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 112-HĐBT ngày 29-8-1989 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và bộ máy tổ chức của Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Nghị quyết số 75-NQ/QHK5 ngày 12-1-1976 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam;

Căn cứ kết luận của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng trong phiên họp ngày 20 tháng 4 năm 1989 có đồng chí Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tham gia đã nhất trí về việc chuyển ngành Hàng không dân dụng Việt Nam sang sản xuất kinh doanh phù hợp với chính sách đổi mới cơ chế quản lý trong các ngành kinh tế quốc dân; thành lập Tổng Công ty Hàng không Việt Nam là một đơn vị sản xuất kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Hàng không dân dụng là ngành kinh tế — kỹ thuật của Nhà nước;

Tổng cục Hàng không dân dụng là cơ quan trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 2. — Tổng cục Hàng không dân dụng có các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, xây dựng chiến lược phát triển, phương hướng, mục tiêu và các cân đối lớn của kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn của ngành Hàng không dân dụng Việt Nam.

2. Xây dựng các văn bản pháp quy, chế độ chính sách, luật lệ hàng không các định mức kinh tế — kỹ thuật, trình Nhà nước ban hành hoặc Tổng cục ban hành.

3. Tiến hành thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn và xử lý việc chấp hành chủ trương pháp luật, chính sách của Nhà nước về hàng không dân dụng. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trực tiếp đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh trong ngành theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng.

4. Tổ chức hợp tác quốc tế theo sự phân công của Nhà nước, theo dõi, chỉ đạo các đơn vị, các tổ chức trong ngành triển khai các quan hệ hợp tác quốc tế trong hoạt động kinh doanh theo hiệp định, hợp đồng ký kết với nước ngoài, trình Hội đồng Bộ trưởng phê chuẩn và công bố việc tham gia, thừa nhận (hoặc không tham gia, không thừa nhận) các tổ chức, công ước quốc tế về hàng không dân dụng.

5. Tổ chức, điều hành và phối hợp với Bộ Quốc phòng về việc quản lý không phận và quản lý bay trong các hành lang và không phận được phân công.

6. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên toàn ngành.

7. Tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật, phổ biến và ứng dụng các tiến bộ

09653433
 www.TruyenPhapLuat.com
 Tel: +84-8-38450684

khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần nâng cao an toàn, chất lượng và hiệu quả.

8. Tổ chức dự bị động viên.

Điều 3. — Tổ chức bộ máy của Tổng cục Hàng không dân dụng bao gồm:

1. Cơ quan Tổng cục gồm một số bộ phận và chuyên viên, biên chế gọn nhẹ, giúp Tổng cục trưởng làm nhiệm vụ quản lý Nhà nước và theo dõi sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch và đầu tư — pháp chế — quản lý bay và an toàn bay — hợp tác quốc tế — thanh tra kiểm tra và Văn phòng Tổng cục.

2. Các đơn vị sự nghiệp gồm Viện Khoa học kỹ thuật hàng không và Trường hàng không Việt Nam.

3. Các đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc.

Điều 4. — Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam có Tổng cục trưởng và các Phó Tổng cục trưởng giúp việc.

Tổng cục trưởng Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam có trách nhiệm xây dựng điều lệ hoạt động của Tổng cục trình Hội đồng Bộ trưởng phê chuẩn.

Điều 5. — Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Các văn bản trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 6. — Tổng thư ký Hội đồng Bộ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

THÔNG TƯ của Hội đồng Bộ trưởng số 113 - HĐBT ngày 5-9-1989 quy định chi tiết và hướng dẫn việc thi hành Luật bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân⁽¹⁾.

Ngày 30 tháng 6 năm 1989 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa VIII, kỳ họp thứ V đã thông qua Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Hội đồng Nhà nước đã quyết định ngày 19 tháng 11 năm 1989 tiến hành trong cả nước cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, các quận, huyện, thị xã và cơ sở.

Để tiến hành các cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân sắp tới bảo đảm dân chủ, đúng luật và đạt kết quả, Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật như sau:

1. Về quyền bầu cử và ứng cử.

Thực hiện theo điều 2 và điều 26 của Luật. Nói rõ thêm một số điểm sau:

a) Việc tính tuổi bầu cử và ứng cử, tính từ ngày bầu cử (19-11-1989) trở về trước, công dân nào đủ 18 tuổi thì có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi thì có quyền ứng cử. Mỗi tuổi là 12 tháng.

b) Việc xác định những người bị tước quyền bầu cử và không được sử dụng quyền bầu cử thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 498-NQ/HĐNN 7 ngày 29-2-1984 của Hội đồng Nhà nước.

c) Chậm nhất là 30 ngày, trước ngày bầu cử, cơ quan có trách nhiệm lập danh sách cử tri nói ở điều 22 của Luật phải niêm yết danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu; phải sử dụng các hình thức

(1) Thông tư này thay thế Thông tư số 103-HĐBT ngày 12-8-1989.